

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 12/2018/HS-ST

Ngày: 18-01-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trương Huy

Ông Trần Văn Cư

Những người tiến hành tố tụng tại phiên tòa:

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 171/2017/HSST ngày 19/12/2017 đối với các bị cáo:

1/ Lê Trọng L; sinh năm 1979 tại Thanh Hóa; Thường trú: B, khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ văn hóa: 10/12; Cha: Lê Trọng V, mẹ: Mai Thị C; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1980 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 19/9/2017 đến nay. (Có mặt).

2/ Phạm Ngọc T; sinh năm 1970 tại Hải Phòng; Thường trú: Số B Đình Đông, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; Tạm trú: ấp T, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ văn hóa: 12/12; Cha: Phạm Đăng T (đã chết), mẹ: Đoàn Thị T, sinh năm 1948; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị O (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2001; tiền sự: không; Tiền án: Năm 1994 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Năm 2003 bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 24/11/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 7 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị bắt ngày 19/9/2017 đến nay. (Có mặt).

Người làm chứng: Bà Đào Thị Minh L; trú tại: Tổ X, ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Cáo trạng số 09/KSĐT-MT ngày 18/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội như sau:

Lê Trọng L và Phạm Ngọc T có mối quan hệ bạn bè với nhau và đều là đối tượng nghiện ma túy đá. Khoảng 10 giờ ngày 19/9/2017, L điều khiển xe mô tô BKS 60B – 158.60 xuống huyện L, tỉnh Đồng Nai để mua ma túy về sử dụng. Lúc này, T gọi điện cho L nên L đã rủ T đi cùng. T đồng ý và mang theo 01 gói ma túy đá mà T đã mua của một người đàn ông tên N (chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) vào ngày 18/9/2017, rồi đi cùng với L. Khi đến gần khu vực công ty V thuộc huyện L, tỉnh Đồng Nai, L bảo T đứng đợi rồi chạy đi gặp T (chưa xác minh được nhân thân, lai lịch) mua của T 4.000.000 đồng được 02 gói ma túy đá. Đến khoảng 13 giờ 30 cùng ngày, L và T đến nhà nghỉ S thuộc xã M, huyện T, tỉnh BR – VT thuê phòng để sử dụng ma túy thì bị Phòng PC47 Công an tỉnh BR – VT phối hợp với Công an huyện Tân Thành, Công an xã Mỹ Xuân bắt quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nylon, màu trắng, hàn kín chứa chất kết tinh không màu; 02 gói nylon, màu trắng, hàn kín chứa chất kết tinh không màu; 01 cân tiểu ly; 02 điện thoại di động và 01 xe mô tô BKS 60B8 – 158.60 (BL số 10, 11, 41- 51; 58 - 66).

Tại bản kết luận giám định số 213/GĐ - PC54 ngày 29/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh BR-VT kết luận:

1. Mẫu chất kết tinh không màu – trong suốt chứa trong 02 (hai) gói nylon hàn kín, được niêm phong trong một phong bì màu vàng (số thứ tự 01), có hình dấu của Công an xã Mỹ Xuân – CAH Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, cùng các chữ ký ghi họ tên: Trung tá Hoàng Bá H, Phạm Ngọc T, Lê Trọng L, Dương Hoàng H, Đào Thị Minh L, Nguyễn Văn L, Hoàng Công Đ, gửi đến giám định có trọng lượng là 12,6443 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

2. Mẫu chất kết tinh không màu – trong suốt chứa trong 01 (một) gói nylon hàn kín, được niêm phong trong một phong bì màu vàng (số thứ tự 02), có hình dấu và các chữ ký ghi họ tên như trên mục 1, gửi đến giám định có trọng lượng là 2,5402 gam, là chất ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Đối với đối tượng tên T và N: Cơ quan điều tra đang tiến hành xác minh nhân thân, lai lịch. Khi nào xác minh làm rõ hành vi sẽ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô BKS 60B8 – 158.60: Qua xác minh chiếc xe trên do ông Đặng Phú Đ (sinh năm 1976, HKTT: thôn N, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan điều tra chưa làm việc được với ông Đ để làm rõ về nguồn gốc chiếc xe nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Thành đã tách chiếc xe trên ra khỏi vụ án, khi nào làm việc được với chủ sở hữu sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 phong bì niêm phong đề số 213/1, 213/2 ngày 29/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bên trong chứa mẫu

vật còn lại sau giám định, trên phong bì có chữ ký, họ và tên của Bùi Văn Đ, Võ Thanh H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Vertu, màu đỏ - vàng và 01 cân tiểu ly, hiện đã chuyển sang kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành bảo quản, chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 09/KSĐT-MT ngày 18/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự; Lê Trọng L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, trên cơ sở việc xét hỏi và tranh luận giữa những người tham gia tố tụng công khai, dân chủ và không bị hạn chế:

Các bị cáo Lê Trọng L, Phạm Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo T có ý kiến đề nghị HĐXX xem xét áp dụng điều luật quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 để có lợi hơn khi quyết định hình phạt; ngoài ra các bị cáo không bào chữa mà chỉ đề đạt xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích hành vi phạm tội và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Từ đó đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Lê Trọng L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy số ma túy là tang vật vụ án, 01 cân tiểu ly; tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu của bị cáo L; Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Vertu cho bị cáo T; Hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Trọng L, Phạm Ngọc T phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/9/2017 tại nhà nghỉ G thuộc xã M, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các bị cáo Lê Trọng L đã có hành vi tàng trữ 12,6443 gam Methamphetamine, Phạm Ngọc T tàng trữ 2,5402 gam Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Trong đó bị cáo T trong lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết

luyện bị cáo Lê Trọng L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; Phạm Ngọc T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14 thì thấy: Đối chiếu quy định về hình phạt thì tội phạm được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt nặng hơn so với quy định Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, trong vụ án này trong cùng thời điểm các bị cáo cùng thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, bị cáo L tàng trữ 12,6443 gam ma túy loại Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249. Để áp dụng có lợi hơn cho cả hai bị cáo thì cần áp dụng Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 khi xử lý và lượng hình, (trong đó bị cáo T được áp dụng mức hình phạt từ 05 năm đến 10 năm theo quy định khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015).

Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy là chất độc gây nghiện ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe và nòi giống của con người, nó là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn và các tội phạm khác. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp, coi thường pháp luật nên phải xử lý thật nghiêm.

Xét tính đồng phạm, vai trò của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo L là người mua ma túy và rủ rê bị cáo T tham gia sử dụng; bị cáo T khi được rủ thì đồng ý ngay và bản thân cũng mang theo ma túy để sử dụng. Các bị cáo đều là những người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, có nhân thân xấu, đã bị giáo dục cải tạo nhiều lần nhưng không chịu tu dưỡng sửa chữa lỗi lầm của mình, Vì vậy, cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ dài nhằm giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

[3] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn cho các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy đã thu giữ của các bị cáo là tang vật của vụ án và 01 cân tiểu ly cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo L, quá trình điều tra xác định bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy nên tịch thu sung công; Đối với điện thoại di động hiệu Vertu xác định đây là tài sản riêng nên trả lại cho bị cáo T.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Trọng L, Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng L 03 (Ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2017.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/9/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy được niêm phong trong hai bì thư số 213/1, 213/2 ngày 29/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu sung công 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen, số IMEI: 354272/06/653951/8.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T 01 điện thoại di động hiệu Vertu màu đỏ vàng, số IMEI: 353800818891372.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12- 12-2017)

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Trọng L, Phạm Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Công an huyện Tân Thành;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh BRVT;
- THADS huyện Tân Thành;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Lê Hoàng Anh